

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 11/2022/HS-ST

Ngày 24 - 3 - 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Hải Yên

*Thẩm phán:* Ông Vũ Duy Luân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Nụ

2. Bà Vũ Thị Nga

3. Bà Nguyễn Thị Hường

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Trang - Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2022 đối với:

**\* Bị cáo:** **Phạm Thị Th**, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn L H, xã H Gi, huyện Đ H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình D và bà Nguyễn Thị H2; có chồng là Đặng Minh Tr, sinh năm 1986 và có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/5/2021 hiện đang bị giam tại Trại giam Công an tỉnh Thái Bình, có mặt tại phiên tòa.

**\* Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Phạm Xuân Tr – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Phạm H L và cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình (có mặt)

**\* Bị hại:**

1. Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1984; Nơi cư trú: thôn B S, xã H Gi, huyện Đ H, tỉnh Thái Bình (có mặt)

2. Chị Đặng Thị Qu, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn T Đ, xã H Gi, huyện Đ H, tỉnh Thái Bình (có mặt)

3. Ông Phạm Đình H, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn B S, xã H Gi, huyện Đ

H, tỉnh Thái Bình (có mặt)

4. Anh Phạm Đình H1, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn B S, xã H Gi, huyện Đ H, tỉnh Thái Bình

Anh H1 ủy quyền cho mẹ là bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn B S, xã H Gi, huyện Đ H, tỉnh Thái Bình (có mặt)

5. Chị Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn M H, xã L H, huyện V L, tỉnh Hưng Yên (có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 7 năm 2020 đến tháng 02 năm 2021, Phạm Thị Th đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

**Vụ thứ nhất:** Sáng ngày 01/7/2020, Phạm Thị Th rủ chị Hoàng Thị D góp với Th 136.000.000đ để mua đất, nói dối sẽ chia tiền lãi cho chị D. Tin lời Th, chị D đã đưa cho Th số tiền 136.000.000đ. Đến ngày 06/7/2020, Th lại nói với chị D có mảnh đất trên thành phố Thái Bình giá rẻ nếu mua được bán có lãi trong vòng 10 ngày, chị D tin tưởng Th làm ăn thật nên đã đưa cho Th 100.000.000đồng. Ngày 11/7/2020, Th nói với chị D hai mảnh đất mà chị D đưa tiền cho Th mua chung chưa bán được, hiện có mảnh đất khác giá khoảng 500.000.000đ, nếu có tiền thì đưa Th 124.000.000đ, trong vòng 15 ngày bán được sẽ trả gốc và lãi, chị D tin tưởng nên tiếp tục đưa cho Th 124.000.000 đồng. Ngày 21/7/2020, Th lại nói dối chị D hiện đang đấu giá đất ở khu đô thị xã Đông Mỹ, nếu đấu được trong vòng 15 ngày bán có lãi ngay, nếu có tiền thì góp cho Th. Tin lời Th, chị D đã vay tiền của em dâu là chị Đặng Phương M 100.000.000đ để đưa cho Th. Sau khi đã giao tổng số tiền là 460.000.000đồng mà không thấy Th trả tiền nên chị D đã nhiều lần đòi, Th đều nói đất chưa bán được. Sau đó Th nói sẽ để lại cho chị D một lô đất ở thị trấn Đ H diện tích 84m<sup>2</sup> giá 730.000.000đ. Th mượn giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Đức D (chủ lô đất) cho chị D xem đồng thời dẫn chị D đi xem đất. Th nói bán cho chị D với giá 630.000.000 đồng, Th có trách nhiệm sang tên lô đất cho chị D. Ngày 14/8/2020, chị D đã đưa thêm cho Th số tiền 170.000.000 đồng, cùng với số tiền đã đưa trước 460.000.000 đồng, tổng cộng là 630.000.000 đồng. Đến tháng 01/2021 chị D phát hiện mảnh đất trên không p.H1 của Th, chị D yêu cầu Th làm rõ thì Th nói sẽ có trách nhiệm sang tên cho chị D, sau đó Th viết một giấy biên nhận về việc đã nhận số tiền 630.000.000 đồng cùng 09 chỉ vàng (số vàng này chị D cho mẹ của Th là bà H2 vay), hẹn đến ngày 06/3/2021 sẽ trả sổ đỏ cho chị D. Số tiền nhận được từ chị D, Th đem trả nợ và chi

tiêu cá nhân.

**Vụ thứ hai:** Ngày 13/8/2020, Th gọi điện rủ chị Đặng Thị Qu mua chung mảnh đất ở phường Ph Kh, thành phố Th B, nói sau khi bán đất lãi sẽ chia theo tỷ lệ phần trăm vốn góp. Chị Qu tin Th nói thật nên chiều cùng ngày đã đưa cho Th số tiền 220.000.000 đồng. Để chị Qu tin tưởng, Th tìm trên mạng xã hội mẫu “Biên bản thỏa thuận” in ra và tìm thông tin lô đất ở phường Ph Kh, thành phố Th B rồi mang đến nhà chị Qu viết vào biên bản thỏa thuận nội dung: Chị Th góp mua chung lô đất ở tổ 3, phường Ph Kh giá 805.000.000 đồng, thời hạn góp vốn từ ngày 13/8/2020 đến 21/8/2020, sau khi bán trả gốc và lãi chia theo tỷ lệ vốn góp. Để chị Qu tin tưởng ngày 24/8/2020 Th nói dối đã bán được đất và chuyển cho chị Qu 11.000.000 đồng nói là tiền lãi bán đất. Ngày 27/8/2020, Th đưa cho chị Qu 20.000.000đ nói là tiền gốc của khoản 220.000.000 đồng mà chị Qu đã đưa và bảo chị Qu để lại 200.000.000 đồng tiếp tục góp vốn cùng Th chung mảnh đất khác, chị Qu đồng ý. Sau đó nhiều lần chị Qu yêu cầu Th trả tiền nhưng Th không có để trả.

**Vụ thứ 3:** Tháng 9/2020, do cần tiền để trả nợ nên Th đã nói dối ông Phạm Đình H (chú họ Th) là Th đang đầu tư lô đất ở thôn Đ L 2, xã Ph X, thành phố ThB giá 720.000.000 đồng nhưng thiếu tiền rủ ông H góp chung, mua xong khoảng nửa tháng bán, lãi chia đôi. Vào các ngày 03/9/2020 và 07/9/2020 ông H đã đưa cho Th 380.000.000 đồng và thỏa thuận chuyển số tiền 70.000.000 đồng Th vay ông H trước đó thành tiền mua chung đất. Để ông H tin tưởng, Th đã dẫn ông H đến thôn Đ L 2, xã Ph X xem đất, song thực tế mảnh đất này của ai Th không biết. Sau nhiều lần ông H hỏi việc bán lô đất thì Th đều nói đang làm thủ tục nên ông H yêu cầu Th để ông H mua cả lô đất, Th đồng ý và thống nhất lô đất giá 740.000.000 đồng. ông H cùng gia đình và Th thống nhất chuyển thêm số tiền 240.000.000 đồng Th vay của chị Phạm Thị Qu1 (con gái ông H) và 20.000.000 đồng Th nhận của anh Phạm Đình H1 (con trai ông H) để đấu giá đất và 30.000.000 đồng mà Th nói dối ông H là lãi của việc bán lô đất sang thành tiền mua cả lô đất. Để ông H tin tưởng, Th lên mạng xã hội tìm hiểu về thủ tục sang tên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, chỉnh sửa rồi in ra mang đến cho vợ chồng ông H ký và lăn tay, Th nói để Th đi làm thủ tục sang tên bìa đỏ cho ông H. Sau đó Th lại tìm trên mạng mẫu “Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả lời kết quả” của Ủy ban nhân nhân thành phố Thái Bình rồi điền thông tin cá nhân ông H, ngày nhận, ngày trả kết quả, Th ký giả chữ ký và ghi họ, tên cán bộ của UBND thành phố Th B rồi đưa cho ông H. Ngày 29/12/2020, ông H mang theo giấy hẹn Th đưa đến UBND thành phố để lấy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thì được biết là giấy giả. Số tiền nhận được của ông H, Th dùng để trả nợ và chi tiêu cá nhân.

**Vụ thứ 4:** Đầu tháng 11/2020, anh Phạm Đình H1 (con trai ông H) muốn mua đất ở thị trấn ĐH để làm ăn nên đã nhờ Th tìm hộ, Th đồng ý. Ngày 03/11/2020, Th nói với H1 có mảnh đất ở thị trấn ĐH xem H1 có đấu không, H1 đồng ý và nhờ Th giúp. Ngày 05/11/2020, Th bảo H1 chụp giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và chuyển cho Th 50.000.000đ để làm hồ sơ và đặt cọc đất. H1 bảo không chuẩn bị kịp thì Th bảo Th đang cầm của ông H 30.000.000 đồng tiền lãi bán đất (số tiền này Th tự nghĩ ra), bảo H1 nói với ông H chuyển sang tiền đấu giá còn H1 gửi về 20.000.000 đồng. Ngày 05/11/2020 anh H1 đã gửi vào tài khoản của Th mở tại ngân hàng Vietcombank số tiền 20.000.000đ. Sau khi nhận tiền của anh H1, Th không mua hồ sơ, không đặt cọc để đấu giá đất. Đến ngày đấu giá đất, ông H đến địa điểm đấu giá đất tại UBND thị trấn ĐH phát hiện không có tên trong danh sách đấu giá, ông H hỏi thì Th nói nhờ người đấu giá hộ nhưng không trúng, Th bảo sẽ lấy lại tiền đặt cọc. Sau đó nhiều lần ông H hỏi nhưng Th nói dối là chưa lấy được nhưng thực tế đã sử dụng để chi tiêu cá nhân.

**Vụ thứ năm:** Chị Nguyễn Thị Th1 là em vợ của ông H nên quen biết với Phạm Thị Th, Tháng 11/2020, Th gọi điện cho bà Th1 rủ đầu tư mua chung đất, bán lãi chia theo vốn góp, chị Th đồng ý. Ngày 18/11/2020, Th sang Hưng Yên nhận của chị Th1 900.000.000 đồng và viết cho chị Th1 một hợp đồng góp vốn với nội dung chị Th1 góp 900.000.000 đồng để mua chung với Th1 một mảnh đất diện tích 78,7m<sup>2</sup> tại phường H D. Giá trị mảnh đất là 3.148.000.000 đồng, giá trị sau thu về là 3.344.000.000 đồng, thời hạn góp vốn từ ngày 18/11/2020 đến ngày 08/12/2020. Ngày 23/12/2020, Th lại tiếp tục gọi điện bảo chị Th1 đầu tư thêm vào mảnh đất trên nhưng chị Th1 không muốn đầu tư thêm mà cho Th vay 600.000.000 đồng hẹn 3 ngày sau trả. Sau 3 ngày, Th nói với bà Th1 do chưa bán được đất nên không có tiền trả mà sẽ gộp 600.000.000 đồng vào số tiền mua đất. Sau đó Th tiếp tục nhiều lần hỏi vay tiền chị Th1 để kinh doanh đầu tư đất. Từ tháng 12/2020 đến 02/02/2021 chị Th1 đã nhiều lần chuyển tiền cho Th với tổng số tiền là 800.000.000đ, Th nói với chị Th1 là toàn bộ số tiền được tính là tiền góp vốn mua chung mảnh đất ở H D theo Hợp đồng góp vốn ngay 18/11/2020. Sau nhiều lần yêu cầu Th dẫn đi xem đất nhưng Th không dẫn đi, chị Th1 tìm hiểu thì biết Th đã lừa của nhiều người cùng thủ đoạn góp vốn kinh doanh nên đã yêu cầu Th viết giấy biên nhận tiền. Ngày 27/02/2021 Th viết giấy biên nhận với nội dung đã nhận của chị Th1 số tiền 2.300.000.000 đồng để mua mảnh đất số 117, tờ bản đồ 84 tại phường H D, thành phố Th B, hẹn ngày 06/3/2021 giao sổ đỏ nhưng thực tế Th không có mảnh đất này.

Cáo trạng số 11/CT-VKSTB ngày 18/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân

tỉnh Thái Bình đã truy tố Phạm Thị Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị Th khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trong bản cáo trạng, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thị Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Thị Th từ 19 năm đến 20 năm tù. Ngoài ra còn đề nghị về trách nhiệm dân sự, án phí.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Th phát biểu quan điểm bào chữa: Luật sư nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên truy tố bị cáo Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Bị cáo khai báo thành khẩn nên đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để xét xử bị cáo mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa và bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau:

- Đơn tố giác và lời khai của những bị hại gồm ông Phạm Đình H, chị Hoàng Thị D, chị Đặng Thị Qu, anh Phạm Đình H1, chị Nguyễn Thị Th1.

- Các tài liệu do những người bị hại giao nộp gồm các bản cam kết, các giấy biên nhận tiền mà Th đã viết cho các bị hại.

- Lời khai của những người là chủ các lô đất ở thị trấn Đ H, huyện Đ H và ở thôn ĐL 2, xã Ph X, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình

- Bản kết luận giám định số 37/KLGD-KTHS ngày 23/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, giám định chữ ký, chữ viết của ông Đoàn Huy Tr và chữ ký chữ viết của Phạm Thị Th tại “Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả lời kết quả”, kết luận:

+ “Chữ ký, chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A (dưới mục “NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ” so với chữ ký, chữ viết của Đoàn Huy Tr trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A (dưới mục “NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ” so với chữ ký, chữ viết của Phạm Thị Th trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải do cùng một người ký, viết ra”.

- Bản Kết luận giám định số 118/KLGDTL-PC09 ngày 06/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, giám định chữ ký chữ viết của Phạm Thị Th kết luận:

+ “Chữ ký, chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A7 (trừ chữ ký tại lề dưới trang 1 trên mẫu cần giám định ký hiệu A3) so với chữ ký, chữ viết của Phạm Thị Th trên các mẫu cần so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 do cùng một người ký, viết ra.

+ Không đủ cơ sở kết luận chữ ký tại lề dưới trang 1 trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký của Phạm Thị Th trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 có phải do cùng một người ký ra hay không”

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Phạm Thị Th mặc dù không có đất và không có bất cứ giao dịch nào về đất, đấu giá đất nhưng do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân, trong thời gian từ tháng 7/2020 đến tháng 2/2021, Phạm Thị Th bằng thủ đoạn gian dối, rủ một số người góp tiền mua đất thổ cư và mua hộ đất thổ cư, sau khi nhận tiền, bị cáo Th không làm gì, không liên hệ với ai để mua đất, đấu đất cho những người đã góp tiền và đã chiếm đoạt tiền của chị Hoàng Thị D 630.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Đặng Thị Qu 220.000.000 đồng; chiếm đoạt của ông Phạm Đình H 380.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh Phạm Đình H1 số tiền 20.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Th1 số tiền 2.300.000.000 đồng. Tổng cộng Th chiếm đoạt của 5 bị hại với tổng số tiền là 3.550.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố là có căn cứ pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Điều 174: Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 2.000.000đ nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

.....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a, Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000đ trở lên;

....

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người dân lương thiện, làm cho đời sống kinh tế của nhiều gia đình lâm vào tình trạng khó khăn, gây bức xúc, bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại với tổng số tiền là **3.550.000.000 đồng**, vì vậy cần áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS để xét xử bị cáo.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Th phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, tại phần tranh luận 3 bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo, vì vậy bị cáo được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS. Đây là những tình tiết cần được xem xét để xét xử bị cáo mức án thấp hơn mức đại diện VKS đề nghị tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Cần buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt, đối với số tiền bị cáo đã trả cho ông Phạm Đình H 10.000.000đ, trả cho chị Đặng Thị Qu 20.000.000đ cần được đối trừ, số còn lại buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường.

[6] Về các vấn đề khác: Ngày 21/8/2020 chị Đặng Thị Qu đưa Th số tiền 100.000.000 đồng với thỏa thuận nếu tìm được đất đẹp thì sẽ đầu tư, nếu không thì chuyển thành tiền cho vay lấy lãi. Đến ngày 09/9/2020, Th chuyển trả chị Qu số tiền 44.000.000 đồng trong đó có 40.000.000đồng tiền gốc, 4.000.000 đồng tiền lãi, còn nợ lại 60.000.000 đồng. Đến ngày 12/10/2020, Th vay của chị Qu 210.000.000 đồng để đáo nợ ngân hàng, chị Qu và Th thống nhất cộng với số tiền 60.000.000 đồng nợ trước thành 270.000.000 đồng tiền chị Qu cho vay. Đây là giao dịch dân

sự giữa chị Qu và bị cáo Th nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: bị cáo Phạm Thị Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự: - Xử phạt bị cáo Phạm Thị Th 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự 2015, buộc bị cáo Phạm Thị Th phải bồi thường cho:

- Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn B S, xã H Gi, huyện Đ H, tỉnh Thái Bình số tiền 630.000.000 đồng.

- Chị Đặng Thị Qu, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn T Đ, xã H Gi, huyện Đ H, tỉnh Thái Bình số tiền 220.000.000 đồng, đã bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, còn phải bồi thường 200.000.000 đồng.

- Ông Phạm Đình H, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn B S, xã H Gi, huyện Đ H, tỉnh Thái Bình số tiền 380.000.000 đồng, đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, còn phải bồi thường 370.000.000 đồng.

- Anh Phạm Đình H1, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn B S, xã H Gi, huyện Đ H, tỉnh Thái Bình số tiền 20.000.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn MH, xã L H, huyện V L, tỉnh Hưng Yên số tiền 2.300.000.000 đồng.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường thiệt hại nêu trên thì hàng tháng bị cáo phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất Qu định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành.*

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Thị Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 102.400.000 đồng tiền án phí dân sự.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, có quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án*



*hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. Về Quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Thị Th, các bị hại có mặt tại phiên tòa - có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.**

(đã ký)

**Lương Hải Yến**